TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 79/2018/HNGD-ST
Ngày: 21/9/2018
V/v: "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình l hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Châu Văn Sang**

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lương Thị Kim Vân**
Bà **Võ Thị Điệp**

- Thư ký phiên toà: bà **Lê Thanh Mai**– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý 394/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018 về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con" theo quyết định hoãn phiên tòa số: 183/2018/QĐHPT-HNGD, ngày 23/8/2018 giữa các đương sự:

- N đơn: **Nguyễn Thị S,** sinh năm: 1987
Địa chỉ: ấp Hòa Dân, xã a, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
Địa chỉ liên lạc: ấp 6, xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

- Bị đơn: **Nguyễn Hoàng M,** sinh năm: 1983
Địa chỉ: ấp Hòa Dân, xã a, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

(Bà S có mặt, ông M vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện ngày 06/6/2018 và tại phiên tòa bà Nguyễn thị S trình bày:**

-Về hôn nhân: ông bà kết hôn năm 2004 và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Nhị Mỹ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp ngày 14/02/2011. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Nhưng sau đó, ông M thường xuyên sử dụng rượu và có hành vi bạo

lực đối với bà. Thời gian làm việc tại nước ngoài, ông M cờ bạc, phát sinh nợ bà S phải trả nợ cho ông và ông vẫn tiếp tục có hành vi bạo lực đối bà. Sau khi về nước, ông M không quan tâm đến cuộc sống gia đình và có hành vi sử dụng rượu, bạo lực, ghen tuông dẫn đến cuộc sống hôn nhân phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ 28/01/2015. Bà S cố gắng nhiều lần tha thứ và tìm cách hàn gắn nhưng không thành, nhận thấy đời sống hôn nhân của ông bà không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nguyễn Thị S yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hoàng M.

- Về con chung: trong thời kỳ hôn nhân, ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 12/02/2005, Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 21/5/2011 hiện nay con chung đang sống với ông M, khi ly hôn bà S đồng ý để con chung cho ông Hoàng M nuôi dưỡng bà không cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung: ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, cũng không cho ai nợ.

** Bị đơn ông Nguyễn Hoàng M vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng không có ý kiến gì về việc xin ly hôn của bà S.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- **Về tố tụng**: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, nuôi con địa chỉ của bị đơn ông Hoàng M tại huyện Cao Lãnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và được triệu tập lệ lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

- **Về nội dung**: bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Hoàng M kết hôn vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Nhị Mỹ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp ngày 14/02/2011. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và B hộ. Quá trình chung sống giữa bà S, ông M xảy ra mâu thuẫn không tự giải quyết được nên S làm đơn yêu cầu được ly hôn với ông M. Xét thấy N nhân dẫn đến ly hôn là do ông M không chăm lo cho cuộc sống gia đình, có hành vi sử dụng rượu, cờ bạc và bạo lực đối với bà M từ đó dẫn đến bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Bà M đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Điều này cho thấy, mâu thuẫn giữa ông S và bà

M là trầm trọng, vợ chồng sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà M theo quy định điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: trong thời gian sống chung, ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 12/02/2005; Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 21/5/2011, hiện nay con chung đang sống với ông M, khi ly hôn bà S đồng ý để 02 con chung cho ông M nuôi dưỡng. Để đảm B cuộc sống cho 02 cháu cũng phù hợp với nguyện Nguyễn Hoàng B và Nguyễn Hoàng N là được sống chung với ông Hoàng M nên Hội đồng xét xử tiếp tục để 02 cháu Hoàng B, Hoàng N cho anh Hoàng M nuôi dưỡng theo quy định tại điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung ông Hoàng M không có yêu cầu bà S không tự nguyện cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Bên không nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản, khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ: không có.

Về án phí: bà Nguyễn Thị S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Hoàng M không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị S. Bà Nguyễn Thị S được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng M.

Về con chung: ông Nguyễn Hoàng M được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 12/02/2005; Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 21/5/2011. Bà Nguyễn Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông Hoàng M không yêu cầu.

Bà Nguyễn Thị S có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Về án phí: bà Nguyễn Thị S phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghin đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghin đồng) theo biên lai số 0000359 ngày 22 tháng 6 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Như vậy, bà S đã nộp xong tiền án phí.

Ông Nguyễn Hoàng M không phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên an sơ thẩm. Ông Hoàng M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND HCL;
- TAND tỉnh;
- Chi cục THADS HCL;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Châu Văn Sang

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND HCL;
- TAND tỉnh;
- Chi cục THADS HCL;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Châu Văn S